TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHÂU PHÚ** TỈNH AN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 38/2025/DS-ST
Ngày: 05-02-2025
"V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU PHÚ, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Cẩm Xuyến.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Thanh Tiền và ông Đoàn Văn Hiển.

***- Thư ký phiên tòa*:** Ông Huỳnh Thanh Châu là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Phú.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Phú tham gia phiên tòa: Ông Huỳnh Hoàng Vũ – Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 02 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Phú, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 261/2024/TLST-DS ngày 14 tháng 11 năm 2024; Về việc *"Tranh chấp hợp đồng tín dụng"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 814/2024/QĐXXST-DS ngày 26 tháng 12 năm 2024 và quyết định hoãn phiên toà số 19/2025/QĐST-DS ngày 13 tháng 01 năm 2025 , giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP H (viết tắt là M).

Địa chỉ trụ sở chính: Số E N, phường L, quận Đ, Thành phố Hà Nội.

Địa chỉ liên lạc: Tầng A, Tòa nhà TNR, số A - A N, phường N, Quận A, Thành phố Hồ chí Minh.

1.1. Đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Hoàng L. Chức vụ: Tổng Giám đốc Ngân hàng TMCP H.

1.2. Đại diện theo ủy quyền: Ông Bùi Đức Q. Chức vụ: Tổng Giám đốc Ngân hàng M. Theo giấy ủy quyền số 12402/2023/UQ-TGĐ12 ngày 29/12/2023.

1.3. Đại diện theo ủy quyền lại của ông Bùi Đức Q:

1.3.1. Ông Võ Văn L1, sinh năm 1994 - Chuyên viên XLN.KHCN – Phòng XLN KHCN. Địa chỉ: Số A đường T, phường C, thành phố C, tỉnh An Giang (có mặt).

1.3.2. Ông Phạm Văn P, sinh năm 1981 - Chuyên viên XLN.KHCN – Phòng XLN KHCN. Địa chỉ: Số D, tổ A, khóm X, phường T, thị xã T, tỉnh An Giang (vắng mặt).

1.3.3. Ông Đào Anh T, sinh năm 1991 - Chuyên viên chính XLN.KHCN – Phòng XLN KHCN. Địa chỉ: Lầu A, TNR Tower, 180 – 192 đường N, phường N, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt). Theo giấy ủy quyền số 6955/2024/GUQ-TGĐ12 ngày 31/7/2024.

2. Bị đơn:

2.1. Ông Nguyễn Ngọc V, sinh năm 1987 (vắng mặt).

2.2. Bà Huỳnh Thị Tuyết P1, sinh năm 1987 (vắng mặt).

Cùng cư trú: Số H, tổ C, khóm V, thị trấn V, huyện C, tỉnh An Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 08/10/2024 và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ngân hàng TMCP H do ông Võ Văn L1 đại diện theo uỷ quyền trình bày:

Ngày 16/01/2023 Ngân hàng TMCP H – Chi nhánh C – Phòng G và ông Nguyễn Ngọc V đã ký kết giấy đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng cho vay số 20/2022/HĐCV ngày 16/01/2023, vay số tiền 270.000.000 đồng, mục đích để tiêu dùng cá nhân, mua sắm vật dụng gia đình, thời hạn vay là 60 tháng, lãi suất cho vay trong hạn 23,5%/năm, lãi suất quá hạn 150% lãi suất trong hạn, lãi chậm trả 10%/năm.

Ngày 16/01/2023 M đã giải ngân cho ông Nguyễn Ngọc V theo giấy đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng cho vay số 20/2022/HĐCV ngày 16/01/2023 với số tiền 270.000.000 đồng.

Ông Nguyễn Ngọc V và bà Huỳnh Thị Tuyết P1 đã trả cho ngân hàng tổng số tiền vốn, lãi từ ngày 16/01/2023 đến ngày 16/12/2023 là 94.629.000 đồng. Trong đó, trả gốc 45.092.213 đồng, trả lãi trong hạn 49.522.388 đồng, trả lãi quá hạn 14.399 đồng. Từ ngày 17/12/2023 cho đến nay thì ông V, bà P1 ngưng trả tiền vốn gốc và lãi cho ngân hàng. Ông V, bà P1 không có thế chấp tài sản cho ngân hàng.

Nay Ngân hàng TMCP H yêu cầu ông Nguyễn Ngọc V và Huỳnh Thị Tuyết P1 liên đới trả cho ngân hàng số tiền vốn, lãi tạm tính đến ngày 05/02/2025 là 294.245.108 đồng. Trong đó, nợ gốc là 224.907.787 đồng, lãi trong hạn là 64.888.065 đồng, lãi quá hạn là 4.449.256 đồng. Đồng thời, MSB yêu cầu ông V, bà P1 phải tiếp tục trả tiền lãi đối với số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất đã thoả thuận theo giấy đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng cho vay số 20/2022/HĐCV ngày 16/01/2023 cho đến khi thanh toán dứt nợ.

Bị đơn ông Nguyễn Ngọc V và bà Huỳnh Thị Tuyết P1 được Toà án niêm yết hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng nhưng không đến Toà án để tham gia các tiến trình tố tụng của Toà án thực hiện theo quy định của pháp luật và cũng không có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của M.

Tại phiên tòa,

- Ông L1 trình bày: Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

- Bị đơn ông Nguyễn Ngọc V và bà Huỳnh Thị Tuyết P1 đều vắng mặt tại phiên toà nên không ghi nhận được ý kiến.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Phú phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên toà,

người tham gia tố tụng trong quá giải quyết vụ án và nêu quan điểm về việc giải quyết vụ án như sau:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã thực hiện đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật. Ông L1 có mặt tại phiên toà. Ông V, bà P1, Toà án đã triệu tập và tống đạt các văn bản tố tụng đầy đủ và đúng quy định nhưng vẫn vắng mặt không lý do, nên Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự này là phù hợp với quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Theo hợp đồng cho vay số 20/2022/HĐCV ngày 16/01/2023 được ký giữa MSB với ông V; Văn bản đồng thuận V/v vay vốn và cùng trả nợ cho ngân hàng của ông V, bà P1 đều thể hiện các bên ký kết trên cơ sở tự nguyện thoả thuận và làm phát sinh quyền và nghĩa vụ dân sự. Bị đơn ông V, bà P1 không thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo thoả thuận là vi phạm hợp đồng. Nguyên đơn yêu cầu ông V, bà P1 phải trả cho M tổng số tiền vốn và lãi còn nợ tạm tính đến ngày 05/02/2025 là 294.245.108 đồng. Trong đó, nợ gốc là 224.907.787 đồng, lãi trong hạn là 64.888.065 đồng, lãi quá hạn là 4.449.256 đồng và yêu cầu ông V, bà P1 tiếp tục trả lãi phát sinh là phù hợp với quy định nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về quan hệ tranh chấp, thẩm quyền giải quyết vụ án:

Căn cứ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, xác định quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án là tranh chấp dân sự - hợp đồng tín dụng. Bị đơn có nơi cư trú trên địa bàn huyện C, tỉnh An Giang nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Phú, tỉnh An Giang theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Về sự có mặt, vắng mặt của đương sự:

Ông L1 có mặt. Ông V, bà P1 đã được Toà án tiến hành niêm yết thông báo về việc thụ lý vụ án, thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên toà và các văn bản tố tụng khác đúng quy định nhưng vẫn vắng mặt không lý do nên Toà án vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Ngày 03/01/2023 ông Nguyễn Ngọc V, bà Huỳnh Thị Tuyết P1 có ký kết văn bản đồng thuận V/v vay vốn và cùng trả nợ cho ngân hàng, theo đó ông V, bà P1 thống nhất cử ông V thực hiện các thủ tục vay vốn tại M.

Ngày 16/01/2023 M với ông V đã ký kết giấy đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng cho vay số 20/2022/HĐCV, vay số tiền 270.000.000 đồng để tiêu dùng cá nhân, mua sắm vật dụng gia đình, thời hạn vay là 60 tháng, lãi suất cho vay trong hạn 23,5%, lãi suất quá hạn 150% lãi suất trong hạn, lãi chậm trả 10%/năm.

Xét thấy, người tham gia hợp đồng có năng lực hành vi dân sự, hoàn toàn tự nguyện, mục đích và nội dung của các hợp đồng không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái với đạo đức xã hội, phù hợp với quy định tại Điều 117 của Bộ luật dân sự. Về hình thức của Hợp đồng phù hợp với quy định tại Điều 119 của Bộ luật dân sự. Do đó, Hợp đồng cho vay phù hợp với quy định của pháp luật nên phát sinh hiệu lực đối với các bên.

Theo bản sao kê tài khoản thể hiện ngày 17/01/2023 M có giải ngân theo hình thức chuyển khoản vào tài khoản số 371-01-01-295179-0 của ông V với số tiền là 270.000.000 đồng. Ngân hàng đã thực hiện đúng Hợp đồng cho vay. Theo tiểu mục 6 mục C của Hợp đồng cho vay các bên thoả thuận ông V phải trả nợ gốc, lãi vào ngày 16 hàng tháng, ngày trả đầu tiên là ngày 16/02/2023. Theo bản sao kê tài khoản thể hiện ông V đã trả cho MSB từ ngày 16/01/2023 đến ngày 16/12/2023 là 94.629.000 đồng. Trong đó, trả nợ gốc 45.092.213 đồng, trả nợ lãi trong hạn 49.522.388 đồng, trả nợ lãi quá hạn 14.399 đồng. Từ ngày 17/12/2023 cho đến nay thì ngưng trả lãi và vốn cho ngân hàng. Do đó, ông V, bà P1 đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo hợp đồng cho vay. Hội đồng xét xử thấy rằng, căn cứ Điều 463, Điều 466 Bộ luật dân sự, Điều 91, 95 luật các tổ chức tín dụng, thấy rằng yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là hợp pháp nên chấp nhận, buộc bị đơn phải trả cho nguyên đơn số tiền nợ gốc và lãi tính đến ngày 05/02/2025 là 294.245.108 đồng. Trong đó, nợ gốc là 224.907.787 đồng, lãi trong hạn là 64.888.065 đồng, lãi quá hạn là 4.449.256 đồng.

[2.2] Xét yêu cầu tính lãi kể từ ngày 06/02/2025 cho đến khi trả dứt nợ: Theo hợp đồng cho vay số 20/2022/HĐCV ngày 16/01/2023 thì các bên có thoả thuận về lãi suất quá hạn và lãi suất chậm trả nên việc nguyên đơn yêu cầu tính lãi quá hạn trên số tiền vốn gốc 224.907.787 đồng là phù hợp với tiểu mục 7 mục C của Hợp đồng cho vay và Điều 13 của Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Toà án nhân dân Tối cao nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.3] Đối với việc MSB không yêu cầu tính lãi đối với toàn bộ số tiền lãi trong hạn 64.888.065 đồng và lãi quá hạn 4.449.256 đồng của hợp đồng cho vay số 20/2022/HĐCV ngày 16/01/2023. Xét thấy, đây là quyền tự định đoạt của đương sự theo Điều 5 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 nên Hội đồng xét xử không đề cập xem xét, giải quyết.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

[4] Đối với đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Phú là phù hợp nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 5, khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 266, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 117, Điều 119, Điều 317, Điều 319, Điều 463, khoản 1 và điểm b khoản 5 Điều 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 91, khoản 2 Điều 95 của luật các tổ chức tín dụng năm 2010, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Căn cứ Điều 7, Điều 8, Điều 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Toà án nhân dân Tối cao.

Căn cứ khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP H đối với bị đơn ông Nguyễn Ngọc V và bà Huỳnh Thị Tuyết P1.

- Buộc ông Nguyễn Ngọc V và bà Huỳnh Thị Tuyết P1 phải liên đới trả cho Ngân hàng TMCP H tổng số tiền vốn, lãi tính đến ngày 05/02/2025 là 294.245.108 đồng. Trong đó, nợ gốc là 224.907.787 đồng, lãi trong hạn là 64.888.065 đồng, lãi quá hạn là 4.449.256 đồng.

- Ông Nguyễn Ngọc V và bà Huỳnh Thị Tuyết P1 còn phải tiếp tục liên đới chịu lãi phát sinh với mức lãi suất nợ quá hạn trên số tiền nợ gốc còn phải thi hành án theo hợp đồng tín dụng đã ký, kể từ ngày 06/02/2025 cho đến khi thi hành án xong.

- Trường hợp trong hợp đồng tín dụng các bên có thoả thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục trả cho ngân hàng cho vay theo quyết định của Toà án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của ngân hàng cho vay.

2. Về án phí:

- Ông Nguyễn Ngọc V và bà Huỳnh Thị Tuyết P1 phải liên đới chịu 14.712.000 đồng (mười bốn triệu bảy trăm mười hai nghìn đồng), đã làm tròn án phí dân sự sơ thẩm.

- Ngân hàng TMCP H được nhận lại số tiền 6.573.000 đồng (Sáu triệu năm trăm bảy mươi ba nghìn đồng), tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Toà án số 00006072 ngày 13 tháng 11 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Phú.

3. Về quyền kháng cáo:

- Đương sự có mặt tại phiên toà được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

- Các đương sự vắng mặt tại phiên toà được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Tòa án tỉnh An Giang;
- VKSND huyện Châu Phú;
- Chi cục THADS huyện Châu Phú;
- Đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, Văn phòng./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Phạm Thị Cẩm Xuyến